

## NHÀ THƠ MIÊN THẨM VÀ XÃ HỘI CỦA ÔNG

### LƯU TRỌNG LƯ'

MIÊN THẨM (Tùng Thiện Vương) đã để lại cho văn học sử một sự nghiệp đồ sộ gồm 14 bộ sách trong đó có bốn bộ *Thương sơn thi tập*. Riêng tập một đã có hơn 2.000 bài thơ bao gồm nhiều vấn đề xã hội.

Ở cái lầu lộng gió của mình, ông hoàng nhìn lá rụng với bao nhiêu cô đơn từ trên trời xuống, sao mà không dễ buồn thu cho được? Chuyện lầu, chuyện lá, chuyện trời. Ngồi rồi chả có việc gì nghĩ thì đôi khi lại đưa thu ra vịnh. Nhưng ông hoàng này cũng lại nói: cũng có lúc chẳng được “rối sâu”

*Năm nay nắng bụi mưa bùn lấm !*

thì cái ông hoàng này cũng chẳng muốn ngồi rú trong cái lầu không đó mãi. Chuyện thời tiết trước mắt, quả tình ông không muốn bỏ qua, nhắm mắt, bịt tai.

Câu thơ này cũng đã báo hiệu một cái gì đó trong con người thơ này!

Trước hết, ông cũng là một người yêu đời. Chả thế mà một hôm, rời khỏi dinh, ông đi qua một đồng ruộng, thấy lúa tốt bời bời, ông đã kêu lên như một đứa trẻ:

*Chẳng phải quan coi ruộng,*

*Vẫn vui mùa tốt tươi.*

(Nguyễn Đình Sử dịch)

Với những bài thơ của Miên Thẩm, tôi tưởng chừng như đã khép lại sau cánh cửa dinh, một thế giới tuy đôi khi có tiếng cười tiếng khóc vẫn là một thế giới ít nhiều vô sự. Con bão dữ thật ra chỉ còn mới ngấp nghé lên ngoài cửa, chưa tràn vào. Con bão dữ nhất định không trước thì sau sẽ đến, làm sao xuyên, nghiêng ngửa cả tâm hồn ông, cả thơ văn ông. Thật ra cũng chỉ trên dưới 20 bài thơ ngắn. Nhưng mỗi bài thơ là một nỗi đau, một cơn giận, một tiếng thét, một cơn sóng. Mỗi bài thơ là một tiếng chuông trước động quĩ. Với những bài thơ sau đây của Miên Thẩm, một thế giới địa ngục đã mở ra.

Cảm giác địa ngục có phải là vì lần đầu tiên trong văn học ta có một lúc trên một miếng mồi nhiều ruồi nhặng? Thật ra ruồi nhặng, đầu trâu mặt ngựa ở đây từ cái thang linh thuế, cái tên nhà giàu, ông quan nhỏ, ông quan to, đến cả ông vua, đến cả cái ông trời mưa - đó đây xuất hiện, hình thù cũng chẳng ghê tởm lắm, dữ dội lắm, đôi khi chỉ như những cái bóng qua nhanh. Nhưng địa ngục từ một cái đau bi

xoáy, địa ngục từ một lời mĩa, một triết lý vu vơ, địa ngục từ cái tiếng dội vang lên một tấm lòng bị xúc phạm.

Cả ngày lao động, bụng đói, mệt nhừ, tay chân rụng rời, giữa lúc đó về nhà đã thấy một tên lính thuế không nói gì, có mặt vậy thôi mà ngán ngấm tinh đời.

Cái đau nhất là với những người giữ nước và làm ra gạo nuôi người, những người mà Nguyễn Trãi nhắc người đời đừng quên ơn, thì chính hai loại người đó xác xơ tội nghiệp nhất, lấm lức như những đồng giẻ rách. Địa ngục là ở đó.

Cái thế giới địa ngục đó - không cần phải từ đâu giặt tới, mà ngay từ dưới chân thành Huế. ..Cái kinh đô mà có kẻ cho là đẹp và thơ, không phải bao giờ cũng đẹp và thơ như họ nghĩ. Từ chân thành đi ra vài chục dặm, người ta có thể đùng, sờ được những nỗi đau. Cái thời vua Tự Đức này, mọi cái đều từ nơi đây mà đi, và cũng nơi đây những nỗi đau từ khắp nơi dội về. Ngày ngày có bao nhiêu đoàn lính cầm quân ra đi và không bao giờ còn trở lại. Hãy nghe tác giả kể lại nỗi niềm của một cô gái nghèo cắt áo giấy:

*Lách vàng ngập lụt cỏ,  
Nhà giột nát vẫn có người.  
Đầy mặt bụi bám, tóc rối như cỏ,  
Vải rách chỉ đủ che mình.  
Buồn râu vàng vọt át tuổi xanh,  
Người đang ngồi cắt từng chiếc áo mỏng.  
Áo giấy bồi đất trắng,  
Chờ phơi nắng giữa trưa.*

Ngày kiếm bao nhiêu tiền, tôi hỏi. Chẳng đáp nửa lời. Nước mắt như mưa.

*Năm kia giặc Tây đánh Quảng Nam,  
Quan quân thua trận máu chảy thành đầm.  
Nơi nơi cầu hồn dựng đàn tế,  
Giá giấy cao ba lần.  
Năm nay binh lửa khắp Nam Bắc,  
Muôn đội cầm quân đi dẹp giặc.  
Đêm qua cung Cam Tuyền,  
Tin khẩn báo về tới tấp.  
Hơn nửa kẻ đi không về,  
Xác người, nhật không hết.  
Xóm đông, xóm tây tiếng khóc như ri,  
Năm liền năm, giặt lại giặt.  
Đau thương nói sao cho cùng!  
Người người miếng cơm manh áo không xong,  
Hỏi tiền đâu mua giấy áo?  
Nhà tôi cũng có kẻ đi không về.*

*Áo này để dùng, không để bán,  
 Cầu ông trời tạnh, nắng,  
 Cho áo khô ngay,  
 Kịp tối nay,  
 Gửi về dưới ấy.*

Lên án chiến tranh xưa không ai sâu bằng Đỗ Phủ. Về đề tài này, ông có ba bài. Một bài nói xe bắt lính, xe chạy trước, những người mẹ, người vợ chạy theo, tiếng khóc dậy trời. Bài thứ hai: bọn đi bắt lính, vào nhà một ông bà già, ông già sợ, trốn qua tường, để vợ ngồi tiếp. Bà kể cho chúng: nhà có ba con, hai đứa đi lính chết rồi, còn một đứa tin về nay chẳng biết còn sống hay đã chết. Bài thứ ba kể chuyện cô gái nghèo về nhà chồng, con gà con chó mang theo. Buổi hôm về, chiều nằm chưa nóng, sớm chồng đã ra đi.

Một câu hỏi vô tình làm cho lòng người chết lặng đi. Một lúc sau, khi đã kể lại chuyện chiến tranh, người vợ góa bây giờ mới đáp thẳng vào câu hỏi:

*Áo này để dùng, không để bán!*

Câu đáp gọn, tưởng như con đẩu đến đây vẫn chưa đủ. Và bài thơ đóng lại:

*Cầu ông trời tạnh, nắng, cho áo khô ngay,  
 Kịp tối nay, gửi về dưới ấy!*

Nói với khách, nói với trời hay nói với mình? Con mắt như bỗng lóe một tia sáng.

Cõi âm lạnh lẽo, chiếc áo gửi sớm một ngày, một giờ là mang cái ấm đến sớm một ngày một giờ cho người bạn đời. Tôi không đủ tư cách để xét từng chữ, từng câu. Nhưng cái cách kể chuyện như thế, là nghệ thuật bậc thầy. Tả trước rồi kể sau, lời kể mới thấm. Có hỏi mà không đáp ngay, lời đáp sau chuyện kể, lời đáp mới đạt.

Nói với khách mà như nói với mình, kêu với trời như chứng thêm nỗi đau khổ.

Trong bài thơ này, tác giả đã nhắc đến cả chiến tranh chống ngoại xâm lẫn những cuộc chiến tranh nội bộ. Thái độ đối với những cuộc chiến tranh sau, khá rõ ràng. Ông đã lên án những việc phái quân liên miên đi đánh dẹp như thế. Trong bài *Hoành Sơn* không biết làm lúc nào, ông có những câu:

*Đời trước ngăn Nam Bắc,  
 Ngày nay qua lại thường,  
 Lũy nát sau chinh chiến,  
 Xuân tàn, tiếng kêu buồn,  
 Xương khô vùi cỏ biếc,  
 Rêu xanh lấp gáo thương,  
 Chiều hôm nhìn xa thẳm,  
 Mong sông bạc cứu đời?*

Người cứu đời là ai?

Có phải là ông đi qua chiến trường Nguyễn - Trịnh?

*Xuân tàn, tiếng kèn buồn,  
Lạt xương khô vùi cỏ biếc.*

Có phải ông đã có mắt nhìn khác với những người trong hoàng tộc? Có phải ông không tán thành những chiến tranh giành quyền lực? Nói tới những cuộc đàn áp, nhân dân nghèo xơ xác bị chà đạp, muốn quật lại bọn vua quan, thì ông lại càng lên án. Còn cuộc chiến tranh đánh Pháp, thì ông đã có một thái độ dứt khoát không chút nghi ngờ.

Bài *Tàng tốt* kể chuyện ông già gặp những người lính Pháp còn sống sót, lê lét trong bụi rậm, áo quần còn bết máu. Ông già chống gậy vào một quán núi, mua rượu uống và nguyện: “Trời còn cho sống, xin được nhập vào đồn Hải Vân”. Ông già đó là ai? Không phải là ông, thì ít ra cũng mang cái ý nguyện của ông.

Trong bài thơ nói về bài diều vắn Nguyễn Đình Chiểu khóc các tướng sĩ, ông có câu:

*Nhân dân cảm sào làm cờ, chặt gỗ làm guom,  
Xưa nay vẫn là những kẻ anh hùng.*

Người như ông không thể tin vào một ông vua như vua Tự Đức, hòa không ra hòa, chiến không ra chiến. Thực chất là một người hèn nhất đầu hàng. Một ông vua không tin dân, đối với những kẻ văn thân thì cho là vo ve ruồi nhặng, sức bọ ngựa không cản được, đối với những tướng sĩ trong Nam đã vì nước, vì vua đổ máu, thế mà gấn cho hai tiếng “nghịch lữ”.

Một thời dân khổ, lính khổ. Một thời vua không ra vua, quan không ra quan. Cái việc quan nịnh nọt, không dám soi vào hốt, chỉ quen quỳ gối cúi đầu. Vua chỉ gió mây thơ phú, mê say săn bắn. Cái triều đình ấy đã được phản ánh vào ngay trong thơ vắn của những “trung thần” của nhà vua.

Trong lúc nước như thế, dân như thế mà lại đẩy dân vào một sự lao dịch tàn khốc như việc xây Khiêm lăng.

Việc này gây một sự bất bình lớn trong dân và những sĩ phu yêu nước.

Đoàn Trung, một người xuất thân từ quần chúng, và em là Đoàn Trục, cùng với những người trong Đông Sơn thi xã (hay Đông Sơn thi tiểu hội) chủ trương muốn đánh Tây trước hết phải đánh đổ ông vua uơ hèn, mà đưa một người khác cùng trong hoàng tộc, có tinh thần quyết chiến hơn. Cuộc khởi nghĩa đã biết dựa vào những người lính và người phu Chày Vôi đông đảo ở Vạn Niên cơ, đang xây lăng vua. Tiếc rằng cuộc biến lớn tiến hành thiếu chu đáo, việc bị lộ. Đoàn Trung bị bắt, bị xử giáo. Người anh hùng ấy đã ra đi giữa tuổi 22, ngày 8 tháng 8 năm thứ 19 triều Tự Đức. Người anh hùng ấy chính là rể của ông hoàng Miên Thắm. Hai bài thơ *Bài ca xe đất* và *Hò dô ta*, có dính líu gì đến các công trường hàng trăm, hàng nghìn người lao động lúc bấy giờ? Không thể là công trường nào khác ngoài cái công trường quy mô ấy. Nhiều người đã khẳng định hai bài thơ ấy lên án việc xây lăng Tự Đức.

Hai bài thơ này không rõ làm vào lúc nào nhưng hẳn là tác giả cũng có tới qua công trường, mới có sự miêu tả khá cụ thể đến thế. Những bài thơ này cũng như toàn bộ tác phẩm của Miên Thắm đều đầy rẫy chất hiện thực.

Bài thơ *Bài ca xe đát*, mở đầu bằng bốn câu:

*Cút kít, cút kít*  
*Đầy đường xe lết*  
*Mặt trời chết, mặt trăng chết.*  
*Tiếng xe không dứt.*

(Hải Vân dịch)

đã gây được một không khí địa ngục. Không mặt trời, không mặt trăng, cút kít, cút kít, đầy đường tiếng xe không dứt đoạn, rồi xe phải chở nặng, bánh xe liệt. Con người đói, không chút gì bỏ vào bụng cũng cứ phải tiến lên.

Cuối cùng, một chút đau lòng: “Thôi được, có được cái mát đêm này, còn hơn cái nắng ngày chết tiệt ấy”.

Cả thảy 8 câu, 43 chữ, câu dài, câu ngắn, không đối đáp, nhưng 8 câu thơ đều kết thúc bằng vần trắc. Tất cả đều vần trắc cái âm trắc, nói lên cả cái ức, cái giận, đọc lên như nuốt từng cái ức, cái giận

*Dô ta, dô ta này!*  
*Dô ta, dô ta này!*  
*Một người hô, trăm người kéo,*  
*Mồ hôi như mưa, gió bắc ráo.*  
*Đá sắc, máu gai, thịt da rách,*  
*Gỗ chẳng biết đau, gỗ chẳng kêu.*  
*Trâu khỏe hơn người. Trâu ngu!*

(Trần Thanh Mai dịch)

Bài thơ *Hò dô ta* mở đầu như thế, rồi gỗ tròn, gỗ dễ lăn xuống hố sâu, con trâu không giữ được gỗ, lại phải đến con người. Con người chết thay! Nhưng chả sao! Bài thơ lại kết thúc với bốn câu:

*Ra đi tóc ngắn, về hết thịt,*  
*Năm nào hò hét, nay chỉ khóc,*  
*Ước rình sinh cỏ, đừng sinh cây.*  
*Lấy đâu đưa đòi làm nhà đẹp?*

Đau làm sao! Năm nào hò hét, nay chỉ khóc, “Này này, cứ dô ta, dô ta nữa đi?” Bài thơ đã kéo lòng người đến bờ nổi loạn. Miên Thẩm đã ngừng lại đây trên một triết lý đầy mỉa mai. Giá ông trời chỉ sinh ra toàn cỏ mà đừng sinh ra những cây quý, cây đẹp, những vàng tâm, những trắc, mun, thì người đòi đâu có chuyện đưa đòi này.

“Trăm người chết đi, còn có nghìn người”. Thì ra con người, một trăm người, rồi hàng nghìn người cũng chẳng khác gì loài súc sinh. Trăm người đi, nghìn người khác lại đến. Chịu cái kiếp người không ra người, trâu không ra trâu chỉ để tô mặt điem mày cho một người.

Kể nỗi khổ của dân thì phải nói đến bài thơ ông tả cái đoàn quân xơ xác, lang thang kéo từng đàn từng lũ, kéo từ Quảng Nam ra Kinh. Không rõ có phải là để xây lăng vua không? Có đoàn hàng chục người, có đoàn hàng trăm người, lê lét kéo nhau đi. Vậy thì đi đâu?

Một thân con người, nửa chết nửa sống. Muốn đi không đi được, đứng không đứng được:

*Cha mẹ không có ăn,  
Vợ con khó nuôi nấng.  
Củ năn, ốc hén cũng hết rồi,  
Trăm, mười, thành đoàn đi lơ lửng.  
Ở làng có ruộng, lụt lại hạn,  
Lúa tốt thành lúa lửng.  
Gạo kho không đủ quân ăn,  
Lấy đâu ban phát cho dân.  
Trèo đèo ra ktnh, gần hai tuần,  
Hình gầy như chim hạc, áo cục như chim thuần.  
Người chết: quăng thây bụi rậm,  
Người sống: lê, lét, kêu, rên.  
Thương thay bọn huyện dân Quảng Nam!  
Kêu trời hỏi “khổ nào ai làm?”  
Sấm sét ầm ầm, trời đánh trống,  
Giữa đường mây kéo đen, mưa ướt đầm.*

(Lê Thuốc dịch)

Hình như Miên Thắm không hề làm văn chương. Tưởng chừng thấy gì viết nấy, nghe gì kể nấy. Sao mà thật thế. Ta thấy trước mắt những con người đi không nổi, đứng không vững. Những đoàn người, khi chục người, khi trăm người đi lơ lửng.

Lại trời hạn lụt, ruộng đồng lúa lửng. Ở đời, cái gì quý bằng cái sự thật? Rồi cuối cùng, từ lòng thốt lên mấy tiếng: “Thương thay bốn huyện dân Quảng Nam”. Bốn huyện dân Quảng Nam bấy giờ ra sao mà tội nghiệp? Chỉ có 7 tiếng kêu lên, mà như đứt ruột. Thì ra văn chương là trước hết phải biết gạt đi những thứ hoa lá mà chất lọc cái thực chất.

Miên Thắm, lại với bài thơ này, đã một lần nữa, sử dụng một cách tài tình cái giọng mỉa, mỉa quan, mỉa vua, bây giờ mỉa cả trời. Đây lại mấy lời thơ kết thúc. Thấy dân khổ, kêu trời hỏi, thì cái ông trời lại chỉ

*Sấm sét ầm ầm, trời đánh trống.*

Dân đã khổ cực, trời lại đánh trống. Thật ra trời nổi sấm sét, đổ một trận mưa. Người, giữa đường không chỗ trú, ướt như chuột lột. Miên Thắm không thiếu những bài thơ, không những chỉ gây niềm đau xót cao độ mà còn gây những nỗi bất bình cao độ. Bài *Bán tre* là một bài như thế.

Một anh nhà nghèo, không có gì bỏ vào bụng, chặt hai cây tre, vác đi bán. Không may lạc vào công nhà một ông quan to, có thể là một ông hoàng. Nhà này bên trong ngõ có cả một núi tre. Núi tre như thế, bao giờ người ta chịu bỏ tiền ra mua tre nữa. Tre đã vác tới thì cứ để tre lại đây. Mở miệng đòi tiền thì cái roi dài đó sẽ quật vào thân. Tiền không dám đòi, tre không dám vác về. Bài thơ ngắn ấy kết thúc bằng một tiếng kêu thầm không ra tiếng:

*Ôi chôi cha!  
Bỏ quách ra về, lệ nhi sa.'  
Rày về sau đừng bán tre nữa,  
Đói nằm trong trúc, chết cũng đủ.*

Câu “Cơ ngoa tử trúc gian từ diệc túc” kể dịch cũng khó, nhưng ý cũng rõ:

*Chuyến này thì chừa  
Đói nữa có chết, thì nhảy vào trúc mà chết  
Ông trúc đủ để cho con người nằm*

Thật ra cái xác đói thì còn bao xương. Về mảnh khóc tàn bạo của bọn “cướp ngày” lớn bé, Miên Thâm nắm rất chắc. Ông đã tổng kết những điều đó trong bài thơ *Tiền cau trâu*.

Bài thơ mở đầu:

*Sớm tiền cau trâu,  
Chiều tiền cau trâu.  
Quan trên xơi cau trâu,  
Dân dưới mới khoirt tù.*

Quan giúp dân như thế, thế thì dân chỉ có lạy cảm ơn quan. Nhưng khôn nổi; thân còn mà nhà tan. Khởi gông cùm đó, nhưng có khi lại mất cả vợ. Và cuối cùng thì quan nhai trâu tiền xâu vào rồi. Còn người vợ cũng như quan, cũng nhai trâu nhưng nước mắt như mưa.

Cái mới, cái lớn của Miên Thâm là cái khổ đau của con người lại bắt đầu từ giọt mồ hôi. Không phải ngẫu nhiên mà Miên Thâm nói nhiều về người lao động, về người phu gánh đất, đẩy xe, làm chài dưới nước, đốn gỗ trên rừng, cái người làm ra gạo, cái anh đạp xe nước, cái người mò vàng, v.v... Cái lao động làm đẹp cuộc sống, thì cái lao động ấy, ở xã hội phong kiến, phải mang bao nhiêu nhục nhã. Cái cảnh người mò vàng mà phải đi chặt cánh tay để khỏi phải nộp thuế là một cảnh thương tâm.

Không có thơ Miên Thâm thì người sau khó được thấy cái bức tranh rất thật về người thợ mỏ vàng thời phong kiến:

*Trần truồng lặn xuống tận đáy sông,  
Chết cứng giờ lâu mới lại hồn.  
Gạn cát tìm vàng từng múi nhỏ,  
Mười lần thì đã chín lần không.*



*Tìm được một mảy vàng,  
Con vợ xúm reo vang.  
Nhặt ngay cho vào ống,  
Mắt nhón nhác nhìn bốn bên.*

Sợ ai thế mà mắt nhón nhác? Nếu không phải thằng ăn cắp, đứa cướp giật, thì cũng là tên lý hào hay thằng lính thuế. Rồi lại cảnh ma thiêng nước độc, hùm beo ngăn chặn. Khấp đường có năm, không đủ thuế nạp, phải chặt vào cánh tay mình. Cái nghèo đuổi, cái thuế đuổi, con người mò vàng da rét, mặt búng sẽ chạy đi đâu? Cuối cùng rồi cũng chạy vào cửa nhà giàu. Miên Thắm đã tổng kết như thế.

Miên Thắm có một bài thơ rất ngắn mà cũng như để tổng kết cái xã hội ông sống. Đó là một bài nói về cái chết (*Thăm mộ*.) Một ngày đi giã mộ, Miên Thắm ghi lại:

*Giấy tiền mấy xếp nặng khí âm,  
Đạo khó, nhà nghèo không lo đủ.  
Lệ hòa nước mưa tuôn xuống khe,  
Nước khe âm thâm máu chảy đỏ.*

(Trần Đình Sử dịch)

Cái chết đây cũng là cái chết của cái nghèo đói thôi. Cái chết cay đắng của con nhà nghèo năm này năm khác.

*Ruột rỗng, rau thè com,  
Xương lạnh, lửa thay áo.  
Đất đầy tai ương,  
Trời đầy giáo mác.  
Nhà giàu vui nổi gì,  
Tiệc tùng đến tận sáng?*

Khi nhà thơ nói mồ hôi cùng nước mắt theo giọt mưa chảy xuống khe, nước khe thành máu đỏ chảy âm thâm, thì chính chủ nghĩa hiện thực của Miên Thắm cũng là nước mắt!, mồ hôi lẫn máu, là “Đất đầy tai ương”, là “Trời đầy giáo mác” (*Nhà nghèo*). Là sự thật ngồn ngộn trước mặt, trên mỗi bước đi mà cũng là đau giặn, từng cơn trong lòng mình. Không chỉ là nước mắt trên mi, mà còn là máu đỏ từ da thịt. Văn chương gắn lấy cuộc đời. Tình như thế, cảnh như thế, ông phải kêu lên:

*Nhà giàu vui nổi gì,  
Tiệc tùng đến tận sáng?*

Đâu phải một lời kêu gọi lương tâm, mà lần này cũng như bao lần khác, ông đã đúc thành những lời buộc tội sắt đanh. Ông đã đưa nhà giàu, người lính lệ, ông quan nhỏ, ông quan to, đến ông vua, ông trời ra trước toà án của ông. Ông đã thấy rõ người nông dân ư? Người về nhà gặp người lính thuế, thấy người mò vàng phải chặt cánh tay, rồi không thoát cửa nhà giàu. Ông quan tha gông cùm cho dân, nhưng đã cướp



mất vợ của dân. Hết coi trâu này lẽ quan rồi đến coi trâu khác, nhưng cuối cùng người dân bất hạnh cũng lại ngồi một mình nhai miếng trâu trong nước mắt. Ông đã thầy cái xã hội từ trong cái tim đen của nó.

Có một điều ông đã thấy sự khổ cực của nhân dân, biết đau giận trước cảnh người lao động bị bóc lột và ông vẽ ra bức tranh trung thành về xã hội hôm qua, thấy trước cái điều đứng của nhân dân, nhưng ông thì thấy một đồng đau thương mà không thấy gì hết trong đó. Chưa thấy được vàng ngọc của dân, ông chưa tin sức mạnh của nông dân, của nhân dân lao động. Chưa một lần nào ông nêu lên được cái quật cường của dân. Cái tấn kịch ở ông là thương mà chưa tin. Nếu ông có đi ra khỏi dinh ông, ông cũng không biết đi con đường nào. Lịch sử chưa kịp tới mở mắt ông. Ông chết sau khi Cao Bá Quát ngã ở chiến trường, và đã chứng kiến cảnh rẽ ông Đoàn Trung bị tội giảo...

Lịch sử đã đi qua, nhiều điều đã mất theo. Miên Thắm hôm nay còn có mặt giữa chúng ta và để nói với ta biết bao điều.

Lê-nin trong bức thư gửi công nhân Mỹ đã nói lên một sự thật ở Nga là nhân dân cần lao hàng thế kỷ bị đè nén, bị vùi dập, bị bạo lực xiết chặt vào gọng kìm của đói rét, của tối tăm và man rợ, và cái man rợ, cái tối tăm, cái đói rét đó đã để lại bao khó khăn lâu dài cho cách mạng.

Miên Thắm đã để lại cho chúng ta những bức tranh rất sinh động, rất chân thật về những người lao động hôm qua, những người nông dân hôm qua, những người làm ra gạo nuôi xã hội, nuôi bọn vua quan mà phải sống và chết nhục nhã như thế đấy.

Từ trong lòng, Miên Thắm đã quên đi mũ áo của một ông hoàng, để được làm người tình trọn vẹn của sự sống, đặt mình trọn vẹn trước những đau khổ, những bất công của xã hội. Cũng như trong tiểu thuyết của Nguyễn Du, Kiều trong ngày hội đạp thanh đã “vận” vào mình tất cả số kiếp của Đạm Tiên. Miên Thắm đã “vận” vào văn thơ mình, vào tâm hồn mình, vào thân thể mình tất cả nỗi đau thương của những con người bất hạnh. Không phải là đau thương của tài sắc, mà là những đau thương nghìn lần trân trọng, những đau thương của những con người đã sống như giun dế, đầu tắt mặt tối, đã làm nên no ấm, cho xã hội và áo mũ xênh xang cho một bọn người. “Nước mắt trọn mồ hôi” là chủ nghĩa hiện thực của Miên Thắm. Những bức tranh xã hội vô cùng âm đạm mà ông để lại giúp chúng ta hiểu thêm mảnh đất cằn cỗi đau thương này, mà trên mỗi thước, mỗi tấc chúng ta đang vất vả xây dựng chủ nghĩa xã hội.